

*ĐỌC THÊM (\*)*

## TÀO THÁO UỐNG RUỢU LUẬN ANH HÙNG

(Trích *Tam quốc diễn nghĩa* – LA QUÁN TRUNG)

\*

## DẾ CHƠI

(Trích *Liêu Trai chí dị* – BỒ TÙNG LINH)

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Thấy được bản chất quan niệm về người anh hùng của Tào Tháo, tính cách khôn ngoan, thận trọng của Lưu Bị và những thành công về mặt nghệ thuật qua việc thể hiện những nội dung trên ở đoạn trích *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*.
- Nhận rõ được ý nghĩa xã hội sâu xa, tinh thần phê phán mạnh mẽ đối với chế độ phong kiến tàn bạo qua "một câu chuyện nhỏ" và bước đầu thấy được một số đặc điểm nghệ thuật của bút pháp *Liêu Trai chí dị* qua truyện *Dế chơi*.

### II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

**1.** Ở dạng bài đọc thêm có bố trí tiết dạy, nhiệm vụ chủ yếu của GV là gợi ý cho HS cách tự học dựa vào hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc thêm. Các câu hỏi này phần nào đã kết hợp gợi ý trả lời nên GV cần cẩn cứ vào các phần *Mục tiêu cần đạt*, *Những điểm cần lưu ý* và nội dung ở phần *Gợi ý đọc thêm* để cân nhắc xem nên nhấn mạnh điểm gì, nên gợi ý bổ sung ở phần nào cho phù hợp.

**2.** Ở bài này, trong 1 tiết, phải hướng dẫn hai văn bản, nên dành nhiều thời gian hơn cho phần hướng dẫn *Dế chơi* vì HS chưa được giới thiệu gì về tác giả Bồ Tùng Linh cũng như tác phẩm *Liêu Trai chí dị*.

**3.** Cần cho HS biết tuy cùng học trong 1 tiết nhưng hai tác phẩm thuộc hai triều đại khác nhau (Minh và Thanh) và tuy thường được xếp vào một phần chung là "Tiểu thuyết Minh Thanh" nhưng thuộc hai dạng khác nhau : *Tam quốc diễn nghĩa* là tiểu thuyết chương hồi, *Liêu Trai chí dị* là một tuyển tập truyện ngắn (bản do Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1962 gồm 12 tập, có 491 truyện).

---

(\*) Bài này GV hướng dẫn HS học trong 1 tiết (Đọc thêm có hướng dẫn).

### III – GỢI Ý ĐỌC THÊM

#### A. TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG

##### Câu hỏi 1, 2

Chìa khoá để giải quyết vấn đề là nắm được vị trí của đoạn trích trong tác phẩm, cụ thể là hiểu được *tình thế* diễn ra câu chuyện : Tào Tháo đang ở thế rất mạnh, còn Lưu Bị, tuy cũng ôm mộng lớn, tức cũng ủ áp chí *anh hùng* nhưng do thế lực còn quá yếu buộc phải nương nhờ Tào Tháo và do đó, phải đặc biệt giữ kín ý đồ chiến lược của mình.

Được mời đến bàn luận vấn đề *anh hùng* có nghĩa là Lưu Bị đã bị đặt vào tầm ngắm, bị đặt vào thế rất dễ để lộ bí mật. Hiểu được như vậy, HS sẽ thấy ngay chi tiết đánh dấu điểm *mở nút* là việc "Huyền Đức đã khôn khéo che đậy được hết việc giật mình đánh roi thìa, đưa khi nghe Tháo gọi mình là anh hùng" và sẽ tự giải thích được vì sao Lưu Bị "vốn đã khiêm nhường, thận trọng, kín đáo, khôn ngoan", ở tình thế này "những nét tính cách đó càng được thể hiện một cách nổi bật". Mặt khác, có thể giúp HS thấy tình thế nói trên cũng làm cho Tào Tháo vốn đã kiêu ngạo càng dễ kiêu ngạo và nảy sinh chủ quan, "mất cảnh giác", dẫu bình thường nổi tiếng là kẻ đa nghi. Và đó là điều kiện khách quan khiến cho Lưu Bị có thể giành phần thắng trong cuộc đấu trí này.

Để việc hướng dẫn học bài được sinh động, có thể kết hợp đọc cho HS nghe đoạn sau đây ở hồi 1 nói về chí hướng của Lưu Bị lúc còn trẻ :

"Lưu Huyền Đức còn thơ ấu, cùng trẻ con chơi dưới gốc dâu, thường vẫn nói rằng : "Ngày sau ta làm vua, cũng ngự cái xe có tán như cây dâu này". Người chú là Lưu Nguyên Khởi nghe nói, lấy làm lạ, bảo rằng : "Thằng bé này không phải người thường".

Rõ ràng Lưu Bị không phải không có chí lớn và có quan niệm riêng về anh hùng (nhắc lại chú thích *nghĩa vườn đào* ở văn bản *Hồi trống Cố Thành*), song đây không phải chỗ hội thảo về quan niệm anh hùng mà chính là chỗ, là thời điểm phải giữ tuyệt mật cái chí lớn và quan niệm anh hùng ấy.

##### Câu hỏi 3

HS có thể dựa vào ba gợi ý ở SGK để phân tích nghệ thuật thể hiện tính cách Lưu Bị. Đề nghị nhấn mạnh và bổ sung mấy điểm :

- a) Lưu Bị vốn là một người bình tĩnh, khôn ngoan song bị đặt vào tình huống quá hiềm nghèo và trước sức ép liên tục của Tào Tháo thì giữ được bình tĩnh

hoàn toàn không dễ. Không phải ngẫu nhiên tác giả đã để cho Lưu Bị hai lần "giật mình", hơn nữa còn "bất giác thà, đũa đương cầm ở tay rơi cả xuống đất"... Tuy nhiên, trước sau Lưu Bị vẫn làm chủ được tình thế, từ việc "làm một vườn rau ở sau nhà, ngày ngày vun xới tưới tẩm", từ chỗ "tái mặt" đến "trấn tĩnh", từ chỗ "đánh roi thà, đũa" đến "ung dung cúi xuống nhặt đũa và thà", đặc biệt là còn đủ tỉnh táo để dẫn một câu trong sách *Luận ngữ* của Khổng Tử để biện hộ cho việc đánh roi thà, đũa của mình,...

b) Một trong những bút pháp mà các nhà văn cổ Trung Quốc thường dùng để làm nổi bật tính cách nhân vật là *hỗn kiến*, tức dùng nhân vật này để làm nổi bật tính cách nhân vật khác. Lưu Bị không chỉ giữ kín ý đồ với Tào Tháo mà với cả hai người anh em kết nghĩa. Khi Quan Công, Trương Phi thắc mắc anh "không lưu tâm đến việc lớn thiên hạ", Lưu Bị chỉ đáp một cách nhẹ nhàng, ngắn gọn : "Hai em biết đâu ý anh !". Ở nhiều cốt truyện, *mở nút đồng thời cũng là kết thúc*. Ở đoạn trích này, không phải thế. Tiếp theo đoạn trích, còn có một phần kết thúc khá dài. Sau khi Lưu Bị thoát hiểm, tác giả đã cho Quan Công, Trương Phi hốt hoảng chạy đến, tay "tuốt kiếm trần" trong khi ông anh vẫn ung dung, vui cười hoà theo Tào Tháo !

c) *Tam quốc diễn nghĩa* miêu tả thiên nhiên không nhiều song những chỗ miêu tả thiên nhiên đều rất xuất sắc, có tác dụng lớn trong việc khắc họa bối cảnh cũng như tính cách nhân vật.

Giữa tiệc rượu, câu chuyện "luận anh hùng" đã đến một cách tự nhiên nhờ sự xuất hiện của *vòi rồng* ; *nút* đã được *thắt* hợp lí, và rồi cũng được *mở* một cách tự nhiên nhờ *tiếng sấm rền vang*.

d) Về nghệ thuật của đoạn trích, có thể chỉ ra cho HS những chi tiết giàu *kịch tính* làm cho độc giả luôn rơi vào trạng thái bất ngờ và do đó luôn thấp thỏm, chờ đợi, hồi hộp xem kết cục ai thắng ai bại (như việc Tào Tháo mời Lưu Bị đến ngay *không nói rõ lí do*, việc Tào Tháo nói Lưu Bị đang *làm một việc lớn lao* mà *không nói rõ đó là việc gì*, hiện tượng *vòi rồng bỗng nhiên xuất hiện* lúc hai người đang ăn uống vui vẻ, hiện tượng *tiếng sấm rền vang* đúng lúc Lưu Bị bị dồn vào *ngõ cụt*,...).

#### Câu hỏi 4

Qua việc xác định một cách công khai, rõ ràng của Tào Tháo về những tiêu chuẩn của "anh hùng" như "có chí lớn", "có chí nuốt cả trời đất", "có mưu cao, có tài bao trùm được cả vũ trụ", HS có thể chứng minh được đó là tư tưởng muốn làm

bá chủ thiên hạ, đè đầu cuồi cổ dân chúng, là chủ trương có thể sử dụng bất cứ một phương tiện gì để đạt mục đích của một tầng lớp thuộc giai cấp áp bức bóc lột trong xã hội phong kiến Trung Quốc xưa. Lưu Bị cũng "có chí lớn", cũng muốn làm bá chủ thiên hạ nhưng theo một đường lối khác. Nếu có điều kiện, có thể gợi ý cho HS so sánh "lí tưởng" của Tào Tháo với "lí tưởng" của Lưu Bị thể hiện qua lời thề kết nghĩa ở vườn đào.

Đoạn trích thể hiện rất rõ quan điểm *Tôn Lưu biếm Tào* của tác giả La Quán Trung (qua việc xây dựng tình tiết, khắc họa hình ảnh, sử dụng ngôn từ). Cần thấy sự khác biệt giữa họ (*tính*), tên gọi (*danh*) và tên chữ (*tự* hoặc *biểu tự*). *Tính* là từ xưng hô để chỉ một người thuộc hệ thống gia tộc nào đó như *Lưu* trong Lưu Bị, *Tào* trong Tào Tháo. *Danh* là tên gọi bình thường của một người như *Bị*, *Tháo*. Người xưa, ngoài tên gốc, tên bình thường, còn dùng tên *tự* (tên *chữ*) để biểu thị rõ ý nghĩa của *danh*, hoặc để biểu thị *đức hạnh*, *đặc tính* của mỗi người. Bởi vậy, *tự* bao giờ cũng thể hiện sắc thái biểu cảm rõ nét hơn *danh* (tên *gọi*). Tên chữ của Lưu Bị là Huyền Đức.

Đọc nguyên văn đoạn trích *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*, ta thấy tác giả chỉ một lần gọi đủ *tính + danh* của Tào Tháo, tất cả những lần còn lại đều chỉ gọi một mình *danh* của ông ta : *Tháo*. Ngược lại, tác giả không hề dùng một chữ *Lưu Bị*. Tất cả đều dùng *tên chữ* : *Huyền Đức*. Chỉ một điểm ấy thôi cũng cho ta thấy khuynh hướng tư tưởng của đoạn trích và thiện cảm của tác giả đã đặt vào nhân vật này. Không thể tuỳ tiện dùng Tào Tháo thay cho Tháo, Lưu Bị (hay Bị) thay cho Huyền Đức (hoặc ngược lại) được.

## B. DỄ CHỌI

### Câu hỏi 1

HS có thể tự chỉ ra bộ mặt tàn bạo của giai cấp thống trị và cuộc sống điêu linh của dân chúng đương thời được khắc họa và phản ánh trong tác phẩm, tuy nhiên, muốn thấy và cảm nhận được những điều đó một cách sâu sắc hơn, có thể nhấn mạnh và bổ sung một số điểm sau :

- a) Do chế độ vua tự ngục<sup>(1)</sup> ở thời Thanh rất hà khắc, tác giả phải dùng niên hiệu Tuyên Đức của hoàng đế Tuyên Tông (1426 - 1435) thời Minh. Đó chỉ là

---

(1) *Chế độ vua tự ngục* : một chế độ độc tài về tư tưởng và văn hoá, quy định hễ ai nói một lời, dùng một chữ có ý ám chỉ xa gần đến hoàng đế và triều đình đều có thể bị giết chết, thậm chí bạn bè, bà con cũng có thể bị vạ lây.

cái lốt che đậy, thực chất vấn đề là ở chỗ : "Trong cung rất chuộng trò chơi chơi dế, hằng năm trưng thu dế trong dân". Sử sách ghi chép trò chơi này xuất hiện từ thời Đường, đến thời Minh vẫn còn phổ biến thì đương nhiên dù không nói, người đọc ai cũng hiểu tác giả đang đề cập chuyện thời Thanh.

b) Ở đây, có thể dùng lời của Thánh Thán bình phân đầu cuốn *Thuỷ hử* : "Loạn tự thượng tặc". Đã có "cầu" thì sẽ xuất hiện người "cung" mà ở đây đều têu là viên huyện lệnh Hoa Âm. Án Anh (580 - 500 trước CN), một chính khách cương trực, thanh liêm nổi tiếng thời Xuân Thu đã định nghĩa nịnh thần là lũ người "chú ý xem bê trên muôn gì để đáp ứng một cách tinh vi" (*quan thương chi sở dục nhibi vị chí ngẫu*). Bọn quan lại trong *Dế chơi* không chỉ là nịnh thần mà còn là những hung thủ nên đã công khai móc nối thành hệ thống (quan tỉnh, quan huyện, lí trưởng, lí dịch) cấu kết với gian thương làm cho dân nghèo "khuynh gia bại sản", tiêu biểu là Thành Danh.

c) Có hai chi tiết làm tăng tính chất phê phán của tác phẩm cần lưu ý :

– Giai cấp phong kiến Trung Quốc từ thời Đường trở về sau thường sai nha lại về Giang Nam trưng thu dế vì ở đây có nhiều loại dế tốt, còn "dế không phải là đặc sản của Thiểm Tây" (*thứ vật cố phi Tây sản*).

– Thành Danh không phải là hạng cùng đinh trong xã hội mà cũng là người có học, có chức sắc, dẫu là chức sắc rất thấp.

## Câu hỏi 2

a) Từ bản thân hiện thực được phản ánh đã toát ra khuynh hướng tư tưởng của tác phẩm. Tuy nhiên, trong một số thể loại văn cổ, như ta đã thấy ở *Chuyện chúc phán sự đến Tân Viên*, cuối tác phẩm, tác giả còn viết thêm *Lời bàn* hoặc *Lời bình* để làm cho khuynh hướng đó thêm nổi bật.

b) Có thể xem *Lời bàn* ở *Dế chơi* là một đoạn văn xuất sắc. Tác giả không còn nói chuyện chung chung trong cung nữa mà đã hai lần phê phán đích danh kẻ thống trị tối cao : *thiên tử*. Tác giả không chỉ gọi tên bọn quan lại với đủ các chức sắc khác nhau nữa mà còn đóng đinh vào đó những định ngữ khái quát bản chất của chúng : *quan tham* lại *ngược*.

c) Đặc biệt, tác giả còn mỉa mai cho rằng nhờ "phúc ấm" của "dế chơi" mà bọn thống trị được "ơn trời đền đáp lâu dài hậu hĩnh". Qua từ "phúc ấm", ta thấy tác giả đã tỏ thái độ khinh miệt cao độ, coi như loài côn trùng cũng "đáng" làm tổ tiên của chúng !

### **Câu hỏi 3**

a) Cần cho HS thấy, *Dế chơi* không có hình ảnh ma quái, hổ li như ở trong nhiều truyện khác của *Liêu Trai chí dị* nhưng cũng đầy những chi tiết li kì, biến ảo bên cạnh không ít chi tiết miêu tả chân thật tính cách nhân vật cũng như cuộc sống đời thường.

b) Có thể giao cho HS thống kê những chi tiết li kì biến ảo trong truyện, kể từ chi tiết Thành Danh bắt được con dế "cực kì to khoẻ" theo sự chỉ dẫn của "bức vẽ" trên "mảnh giấy" mà "cô đồng" "ném cho" đến chi tiết đứa con tội nghiệp của Thành Danh sau khi "xác" được vớt từ dưới giếng lên hơn một năm, tinh thần trở lại như cũ, kể lại : "Mình đã hoá thành dế, lanh lẹ, chơi giỏi nay mới thực sống lại".

c) Tất cả những chi tiết trên đây trước hết đều là hư ảo, phi lí, thế nhưng cái tài của Bô Tùng Linh cũng như tất cả các tác giả của truyện *truyền kì* khác, trong đó có Nguyễn Dữ của Việt Nam, là khiến cho người đọc qua đó vẫn thấy được những "bức ảnh nhỏ" của cuộc đời thực. Chuyện chết đi sống lại, hồn người hoá dế là phi lí, hư ảo nhưng diễn biến tâm trạng của Thành Danh từ lúc bắt được con dế "vừa nhỏ vừa ngắn, đỏ đen nham nhở" do hồn con mình hoá thành đến lúc dùng nó đánh bại con dế "vừa to vừa cao" của "một chàng trai tay chơi trong thôn" và đánh "sá cánh" một chú gà trong nháy mắt lại là vô cùng chân thực.

### **Câu hỏi 4**

HS có thể chứng minh được tính chất chặt chẽ của kết cấu *Dế chơi* theo gợi ý của SGK. Cần lưu ý HS điểm này : tác phẩm đã đi từ *diện* (6 dòng đầu) đến *điểm* (chuyện Thành Danh và đứa con xoay xung quanh một con dế) rồi lại quay về *diện* (*Lời bàn*). Chỉ phần *điểm* ở giữa đã mang tính khái quát rất cao và sức phê phán quyết liệt rồi !

Độc giả hiện đại hết sức hâm mộ *Liêu Trai chí dị* vì hai lí do chủ yếu : một là sức tưởng tượng cực kì phong phú và năng lực hư cấu hết sức táo bạo ; hai là tính chất cô đọng, hàm súc (nhiều truyện của *Liêu Trai chí dị* chỉ có nửa trang, đã có thể gọi là *truyện ngắn mi ni*).

# TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

(2 tiết)

Nguyên tác chữ Hán : ĐẶNG TRẦN CÔN

Bản diển Nôm : ĐOÀN THỊ ĐIỂM (?)

## I – MỤC TIÊU CÂN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được tâm trạng người chinh phụ trong cảnh lẻ loi và sự đồng cảm sâu sắc của tác giả đối với khát vọng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.
- Thấy được những diễn biến phong phú, tinh vi trong nghệ thuật diễn tả tâm trạng nhân vật và âm điệu thiết tha của đoạn trích.

## II – NHỮNG ĐIỂM CÂN LUU Ý

**1. Đặng Trần Côn** viết *Chinh phụ ngâm* vào đầu những năm bốn mươi của thế kỷ XVIII. Khi ấy "chính sự hư hỏng, thuế khoá nặng nề, lòng người ước ao sự loạn lạc" (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*). Khắp nơi nông dân vùng lên khởi nghĩa và chúa Trịnh đã tiến hành nhiều cuộc đánh dẹp. Những cảnh vợ chồng chia lìa, cửa nhà li tán đã khiến Đặng Trần Côn xúc động và làm ra khúc *Chinh phụ ngâm*. Tác phẩm đã thể hiện sâu sắc nỗi đau buồn của một thiếu phụ do chiến tranh phi nghĩa mà cuộc sống vợ chồng bị dang dở, lứa đôi phải chia lìa.

**2. Về tên gọi tác phẩm.** Một số bản in quốc ngữ ghi tên tác phẩm là *Chinh phụ ngâm khúc*. Nhưng theo Phan Huy Chú và Phạm Đình Hổ trong *Tang thương ngẫu lục* thì nguyên tác có tên là *Chinh phụ ngâm*; như Phạm Đình Hổ ghi về Đặng Trần Côn: "Khi tuổi đã muộn, ông làm *Chinh phụ ngâm*, trên dưới có đến vài nghìn chữ". Một số bản in như bản Long Hoà (1902) cũng ghi nhan đề tác phẩm là *Chinh phụ ngâm*; *Thư mục Hán Nôm* (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam – Thư viện Khoa học xã hội, H., 1971, tr. 100) cho biết hiện còn lưu lại được hai bản Nôm có tên là *Chinh phụ ngâm*. Người biên soạn gọi theo tên các sách và bản khắc cũ.

**3. *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn** viết bằng chữ Hán, theo thể đoạn trường cú (câu ngắn câu dài xen nhau) gồm 477 câu. Câu ngắn chỉ có 3 chữ, câu dài có đến

11 chữ. Người diễn Nôm chuyển thể thành 408 câu song thất lục bát. Nhạc điệu, hình ảnh của câu thơ Đặng Trần Côn thường huy hoàng, lộng lẫy. Người diễn Nôm đã sử dụng tài tình khả năng dồi dào của thể song thất lục bát, của từ ngữ và âm thanh tiếng Việt, làm cho ý thơ trong nguyên tác được diễn đạt tinh tế, sâu sắc và cảm động hơn.

4. Trong *Chinh phụ ngâm*, trừ phút rộn ràng, xao xuyến ở phần đầu và chút hi vọng bừng sáng ở phần cuối, tâm tình người chinh phụ chung quy cũng chỉ là thương với nhớ, buồn với lo, được thể hiện dưới mọi hình thái, mọi khía cạnh của sinh hoạt. Bấy nhiêu tình cảm ấy thường đan xen với nhau. Nhưng trên cái nền buồn lo, thương nhớ chung ấy vẫn có những diễn biến phong phú, tinh vi. Từ đoạn này sang đoạn khác luôn có những sự chuyển đổi về cung bậc tình cảm.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

GV nêu câu hỏi kiểm tra việc HS đọc phần *Tiểu dẫn* về tác giả, hoàn cảnh ra đời của khúc ngâm và vị trí đoạn trích.

#### 2. Phần tổ chức dạy học

##### *Câu hỏi 1*

Đoạn trích có thể chia làm ba đoạn nhỏ :

– Đoạn 1 (từ câu 1 đến câu 16) : nỗi cô đơn của người chinh phụ trong cảnh lẻ loi ; cảm giác về thời gian chờ đợi ; cố tìm cách giải khuây nhưng không được.

– Đoạn 2 (từ câu 17 đến câu 28) : nỗi nhớ thương người chồng ở phương xa ; cảnh khiến lòng nàng thêm ảm đạm.

– Đoạn 3 (từ câu 29 đến hết) : cảnh khiến lòng người chinh phụ rạo rực, khao khát hạnh phúc lứa đôi. Ý thơ di từ tình đến cảnh rồi lại từ cảnh trở về tình, cứ dội qua dội về như vậy, nói rõ một tâm trạng ở đâu, lúc nào, làm gì người chinh phụ cũng chỉ gặp lại mình.

##### *Câu hỏi 2*

*Những việc làm, ý muốn và cảm giác của người chinh phụ thể hiện tâm trạng cô đơn, trống trải*

– Từ câu 1 đến câu 8 : diễn tả nỗi cô đơn của người chinh phụ trong cảnh lẻ loi :

+ Khắc khoải mong chờ : "Đạo hiên vắng thầm gieo từng bước" ; trong phòng, người chinh phụ hết buông rèm lại cuốn rèm lên.

+ Lúc nào nàng cũng thấy lẻ loi : lẻ loi ban ngày, lẻ loi ban đêm, lẻ loi ngoài phòng, lẻ loi trong phòng.

+ Khát khao được đồng cảm : người chinh phụ trách chim thước chẳng chịu mách tin ; lúc đâu nói may chỉ có đèn biết tâm sự của mình, rồi lại nghĩ đèn có biết thì cũng bằng không. Cuối cùng nàng nói đèn với mình cùng chung cảnh đáng thương.

Xếp những ý sóng đôi và lấy đi lấy lại là bút pháp đặc biệt của khúc ngâm.

Hình ảnh người thiếu phụ "thầm gieo từng bước" ngoài hiên vắng, hình ảnh con người ấy ngồi một mình với ngọn đèn trong phòng đã cực tả nỗi cô đơn trong cảnh lẻ loi.

- Từ câu 9 đến câu 12 : đêm, tiếng gà nhức nhối suốt năm canh ; ngày, bóng hoè lơ đãng hết dời sang bên này lại chuyển đến bên nọ, người chinh phụ thấy thời gian chờ đợi dài vô cùng. Những từ láy đôi "đằng đẵng", "đằng đặc" trong đoạn thơ rất có sức gợi tả cảm giác bằng âm thanh.

- Từ câu 13 đến câu 16 : Người chinh phụ gắng tìm cách vượt ra khỏi vòng vây của cảm giác cô đơn, nhưng rốt cuộc vẫn không thoát nổi. Khi đốt hương thì nàng lại chìm đắm vào sâu túi miên man ; soi gương thì lại nhớ gương này mình với chồng từng đã soi chung, nên không cầm được nước mắt. Nàng gắng đần thì dây uyên kinh sợ mà đứt, phím loan ngại ngắn mà chùng lại. Người chinh phụ đành ngẩn ngơ trở về với lòng mình.

### Câu hỏi 3

*Các chi tiết ngoại cảnh có tác dụng biểu hiện tâm trạng cô đơn, đau xót của người chinh phụ*

Sau tấn kịch nhỏ "Dây uyên kinh đứt..." đánh dấu một trạng thái bế tắc cao độ, câu thơ bỗng chuyển sang nhẹ nhàng và như hửng sáng. Người thiếu phụ nghĩ đến phương xa và có một ý nghĩ rất nêu thơ : nhờ gió xuân gửi lòng mình tới chồng. Từ thơ thoát ra khỏi căn phòng tù túng, bát ngát không gian. Âm điệu rất ăn ý với tứ thơ.

*Non Yên dù chẳng tối miền,  
Nhớ chàng thăm thầm đường lên băng trời.*

Có bản chép : "đằng đẵng", nhưng "thầm thầm" có lẽ đúng hơn. Vì "đằng đẵng" có ý dài, không có ý cao. Thêm nữa, hai chữ "thầm thầm" còn được lặp lại ở câu tiếp theo. Đặng Thai Mai viết : "Đây là một trong những vần thơ mènh mông vô tận, như khói sâu trong lòng người yêu tự ngàn xưa". *Thầm thầm* vừa là nói nỗi nhớ người yêu, vừa là con đường đến chỗ người yêu, cũng là con đường lên trời. Câu thơ phong phú, đúc một mối tình phổ vào một hình thức đơn giản, trọn vẹn.

Trời không cùng, nhớ không cùng, nhưng suy tưởng thì có hạn, người chinh phụ lại trở về với thực tế xung quanh. Ý thơ chuyển từ tình sang cảnh. Trong không khí âm u "Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun", hiện ra cảnh khóc liệt :

*Sương như búá, bỗ mòn gốc liễu,  
Tuyết đường xưa, xé héo cành ngô.*

Dường như người chinh phụ đã thấm thía sức tàn phá của thời gian chờ đợi như lời ở đoạn sau :

*Võ vàng đổi khác dung nhan,  
Khuê li mới biết tân toan đường này.*

Tuy nhiên đến câu "Sâu tường kêu vắng chuông chùa nệm khơi", không khí đã thấy dễ chịu hơn. Cũng bởi người chinh phụ chỉ mới thấy thất vọng mà chưa tuyệt vọng.

#### *Câu hỏi 4*

*Tâm trạng người chinh phụ trong đoạn cuối (từ câu 29 đến câu 36) có gì khác so với hai đoạn trên ?*

Chữ "thốc" rất mạnh trong câu "Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên" ở đoạn cuối báo hiệu sự chuyển sang một tâm trạng mới ở người chinh phụ.

Cánh hoa – nguyệt giao hoà khiến lòng người rạo rực, khao khát hạnh phúc lứa đôi :

*Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.  
Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm,  
Nguyệt lồng hoa, hoa thầm tường bông.*

"Dãi", "lồng" nói cái ý âu yếm, lứa đôi gần gũi. Sắc dục ở đây nồng nàn, mà vẫn kín đáo, khác với câu trong *Cung oán ngâm* tuy diễn tả cùng một nội dung :

*Cái đêm hôm ấy đêm gì  
Bóng trăng lồng bóng đồ mi trập trùng.*

### **Câu hỏi 5**

*Các biện pháp tu từ, nhạc điệu tạo nên giá trị nghệ thuật của khúc ngâm qua đoạn trích*

Tác giả chọn và dùng từ rất đắt : "Đạo hiên vắng thầm gieo từng bước", "Sương như búa, bồ mòn gốc liễu", "Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô", "Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên"... Đặc biệt, tác giả đã khai thác và sử dụng hết sức hợp cảnh, hợp tình hàng loạt từ láy : gà eo óc, hoè phát phơ, khắc giờ đằng đẵng, mối sâu dằng đặc, hôn mê mải, lệ chau chan, trời thăm thăm, nhớ đau đau,... Về nhạc điệu, tác giả đã phát huy một cách tài tình nhạc điệu trữ tình của thể song thất lục bát giống như những đợt sóng dào lên lại rút xuống, diễn tả tâm trạng người chinh phụ hết nhớ lại thương, hết thương lại nhớ trong tình cảnh lẻ loi đơn chiếc.

### **Câu hỏi 6**

*Khái quát chung về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích :*

– *Giá trị nội dung*

Từ tâm trạng đau buồn của người phụ nữ phải sống trong cảnh lẻ loi vì không tham gia vào cuộc đánh dẹp của vua chúa, đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* phần nào đã thể hiện được tinh thần phản kháng đối với cuộc chiến tranh phi nghĩa đương thời.

– *Giá trị nghệ thuật*

Trên cái nền chung là nỗi buồn phải sống trong cảnh lẻ loi, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi của tình cảm. Cảnh cũng như tình được trình bày sâu sắc, theo sát những diễn biến của tâm trạng.

## IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Đối chiếu hai câu :

**Bản chữ Hán**

Sầu tự hải,  
Khắc như niêm.  
(Sầu tự biển,  
Khắc như năm)

**Bản chữ Nôm**

Khắc giờ đằng đẵng như niêm,  
Mối sâu dằng đặc tựa miền biển xa.

ta thấy, người diễn Nôm đã trung thành với cái hay của nguyên tác. Nhưng, trung thành mà vẫn sáng tạo. Nội dung câu thơ tiếng Việt cụ thể hơn, phong phú hơn,

dày dặn hơn là do sử dụng khả năng biểu hiện cụ thể của tiếng Việt như "đằng đẵng", "đằng đặc". Mặt khác, người diễn Nôm đã sắp xếp lại trật tự hai câu thơ, đảo ý "sâu tự hải" xuống dưới, chuyển ý "khắc như niên" lên trên. Từ đó diễn tả được cảm giác thời gian chờ đợi dài vô cùng khiến nỗi sâu trở nên vô tận.